

Số: *14* /2019/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *19* tháng *8* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng ngoài lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện Kết luận số 400-KL/TU ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái và Công văn số 162/TT.HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng ngoài lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1042/TTr-STC ngày 14 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng ngoài lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

Bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 9 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định bổ sung định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Yên Bái; Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định bổ sung định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng cho Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Yên Bái; Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định bổ sung định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc bổ sung định mức xe ô tô chuyên dùng đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, TKTH, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng ngoài lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng ngoài lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP) và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác quy định tại Quy định này được sử dụng làm căn cứ để: Lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc thôi giữ chức vụ mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới.

3. Việc trang bị xe ô tô phải phù hợp với nhiệm vụ công tác, đồng thời phải xem xét đến tần suất và hiệu quả sử dụng đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức quy định, chỉ được thực hiện khi có nguồn kinh phí đảm bảo và được trang bị theo lộ trình, phù hợp với khả năng của ngân sách.

4. Xe ô tô được thanh lý khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã quá thời gian sử dụng theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định;

b) Đã sử dụng trên 200.000 km;

c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% so với nguyên giá).

5. Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật).

Chương II

ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

Điều 4. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25.

2. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác cần bố trí xe ô tô cho các đối tượng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này đi công tác thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định.

3. Các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Khoản 1 và trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

a) Văn phòng Tỉnh ủy: Tối đa 06 xe; các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại thuộc Tỉnh ủy (trừ cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại chuyển bộ phận văn phòng về Văn phòng Tỉnh ủy để phục vụ chung các cơ quan tham

muu, giúp việc của Tỉnh ủy) có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 01 xe/01 đơn vị;

b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh: Tối đa 06 xe;

c) Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

2. Bổ sung thêm định mức tối đa 01 xe/01 đơn vị ngoài định mức quy định tại khoản 1 Điều này cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP: Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm.

3. Hình thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

Điều 6. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan cấp huyện

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp ủy và chính quyền các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

2. Hình thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung: Văn phòng cấp ủy và chính quyền các huyện, thị xã, thành phố thực hiện quản lý xe ô tô tập trung để bố trí phục vụ công tác chung cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

Điều 7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a) Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm;

b) Giá mua xe ô tô chuyên dùng là giá bán xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm, nhưng không được vượt mức giá tối đa quy định tại khoản này. Trường hợp trên thị trường giá mua xe có biến động tăng cao hơn mà không thực hiện được việc mua sắm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được mua xe báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, người đứng đầu đơn vị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị.

Điều 8. Xử lý tồn tại

Chủng loại, mức giá xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 7 Quy định này làm căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp mua mới, điều chuyển xe. Không áp dụng để xác định tiêu chuẩn, định mức đối với những xe ô tô chuyên dùng cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng nhưng có chủng loại thấp hơn hoặc cùng chủng loại nhưng có nguyên giá theo sổ kế toán cao hơn so với mức giá quy định tại Quy định này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này để đảm bảo việc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô đúng đối tượng, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tổ chức rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sắp xếp, bố trí lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô có trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô được giao quản lý, bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc có kiến nghị đề xuất, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy

Phụ lục số 01:

**BỔ SUNG THÊM ĐỊNH MỨC TỐI ĐA XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CHO
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Bổ sung thêm định mức tối đa xe ô tô phục vụ công tác chung	Định mức tối đa sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung sau khi đã được bổ sung
1	2	3	4
1	Văn phòng Tỉnh ủy	01 xe	07 xe
2	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	01 xe	02 xe
3	Đảng ủy khối Doanh nghiệp	01 xe	02 xe
4	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái	01 xe	02 xe
5	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	01 xe	07 xe
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01 xe	02 xe
7	Sở Tài chính	01 xe	02 xe
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 xe	02 xe
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01 xe	02 xe
10	Sở Y tế	01 xe	02 xe
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	01 xe	02 xe
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01 xe	02 xe
13	Sở Thông tin và Truyền thông	01 xe	02 xe
14	Sở Xây dựng	01 xe	02 xe
15	Sở Khoa học và Công nghệ	01 xe	02 xe
16	Sở Giao thông vận tải	01 xe	02 xe
17	Sở Tư pháp	01 xe	02 xe
18	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	01 xe	02 xe
19	Sở Ngoại vụ	01 xe	02 xe
20	Sở Nội vụ	01 xe	02 xe
21	Sở Công thương	01 xe	02 xe
22	Thanh tra tỉnh	01 xe	02 xe
23	Ban Quản lý các khu công nghiệp	01 xe	02 xe
24	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	01 xe	02 xe
25	Ban Dân tộc	01 xe	02 xe
26	Tinh đoàn Yên Bái	01 xe	02 xe

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Bổ sung thêm định mức tối đa xe ô tô phục vụ công tác chung	Định mức tối đa sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung sau khi đã được bổ sung
1	2	3	4
27	Hội Nông dân tỉnh	01 xe	02 xe
28	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	01 xe	02 xe
29	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	01 xe	02 xe
30	Báo Yên Bái	01 xe	02 xe
31	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	01 xe	02 xe
32	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	01 xe	02 xe
33	Trường Chính trị tỉnh	01 xe	02 xe
34	Trường Cao đẳng Y tế	01 xe	02 xe
35	Trường Cao đẳng Nghề	01 xe	02 xe

Phụ lục số 02:

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
I	KHỐI TỈNH				
1	Sở Khoa học và Công nghệ				
	Trung tâm ứng dụng kỹ thuật thông tin khoa học và Công nghệ	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ vận chuyển thiết bị chuẩn đi phục vụ công tác kiểm định tại các huyện, thị
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				
2.1	Trường trung cấp dân tộc nội trú Nghĩa Lộ	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
2.2	Trường trung cấp Lục Yên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
2.3	Trung tâm dịch vụ việc làm	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
2.4	Cơ sở cai nghiện ma túy	Xe cứu thương	1	760	Phục vụ đưa đón học viên đi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngoài đơn vị
2.5	Trung tâm điều dưỡng	Xe cứu thương	1	760	Phục vụ đưa đón đại biểu điều dưỡng đi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngoài đơn vị
3	Sở Giao thông Vận tải				
3.1	Ban quản lý dự án bảo trì đường bộ	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Thực hiện công tác đảm bảo giao thông
3.2	Thanh tra Giao thông	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, tuần tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, phân luồng đảm bảo trật tự an toàn giao thông,...
		Xe tải 1 cầu 1,5T	2	410	
		Xe 7 chỗ 1 cầu có gắn biển hiệu Thanh tra giao thông	1	720	
		Xe chở thiết bị cân xích tay để kiểm tra tải trọng phương tiện quá tải	1	1.306	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
4	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch				
4.1	Thư viện tỉnh	Xe tải 1 cầu 3,5T	1	650	Chuyên chở sách, thiết bị, thư viện lưu động
4.2	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	Xe 34 chỗ	1	1.640	Đưa đoàn diễn viên đi biểu diễn các huyện thị trong tỉnh
		Xe tải 3,5T	1	650	Làm sân khấu và chở đạo cụ đi biểu diễn
		Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ thông tin, chiếu phim lưu động, tổ chức phong trào văn nghệ quần chúng
		Xe bán tải 2 cầu	1	780	Tuyên truyền lưu động
4.3	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Xe 29 chỗ	1	1.395	Đưa đón các đoàn vận động viên đi thi đấu tại các giải toàn quốc
5	Sở Xây dựng				
	Thanh tra Sở	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chở thiết bị thanh tra, kiểm tra giám định xây dựng
6	Sở Tài nguyên và Môi trường				
6.1	Văn phòng Sở	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị phục vụ thanh tra, kiểm tra đất đai, môi trường
6.2	Văn phòng Đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị lập hồ sơ thu hồi đất, phát triển quỹ đất và chi trả bồi thường GPMB
6.3	Trung tâm công nghệ tài nguyên và môi trường	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị lập hồ sơ, đo đạc địa chính
6.4	Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Xe trang bị thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác quan trắc và môi trường
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
7.1	Văn phòng Sở	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm tra, chỉ đạo, thực hiện các nhiệm cấp bách như phòng, chống cháy rừng, thiên tai, dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm....

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
7.2	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Lấy mẫu, bảo quản mẫu, vận chuyển mẫu; kiểm tra, giám sát nông sản, an toàn; vận chuyển sản phẩm nông sản phục vụ công tác xúc tiến thương mại (hội trợ tại các tỉnh trong nước) và các hoạt động khác có liên quan đến an toàn thực phẩm....
7.3	Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thóc giống về kho bảo quản; chở các loại giống mới đi các địa điểm trồng khảo nghiệm giống cây trồng nông nghiệp...
7.4	Trung tâm Khuyến nông	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Thực hiện nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh; Hoạt động xúc tiến thương mại, hội trợ triển lãm vùng miền và quảng bá sản phẩm tiêu biểu của tỉnh đến các tỉnh trong nước...
7.5	Chi cục Phát triển nông thôn	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm tra, thẩm định, tuyên truyền thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 157 xã trên địa bàn tỉnh trong đó có 81 xã vùng III, 66 xã vùng II; thực hiện Chương trình bố trí dân cư tại các xã vùng thiên tai, vùng ĐBKK, khu rừng đặc dụng do tác động của biến đổi khí hậu, di cư tự do....
7.6	Chi cục Thủy lợi	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động thường trực Ban phòng, chống thiên tai (hoạt động đặc thù quan trọng); hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát, sửa chữa công trình thủy lợi, phòng chống lụt bão trên địa bàn tỉnh Yên Bái và phục vụ hoạt động khác.....
7.7	Chi cục Thủy sản	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ công tác kiểm tra, chỉ đạo nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn tỉnh...
7.8	Ban quản lý rừng phòng hộ Trạm Tấu	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm tra, kiểm soát lâm sản, phòng và chữa cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng tại các thôn, xã ĐBKK
7.9	Ban quản lý rừng phòng hộ Mù Cang Chải	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm tra, kiểm soát lâm sản, phòng và chữa cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng tại các thôn, xã ĐBKK
7.10	Chi cục Kiểm lâm				

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
	Văn phòng Chi cục	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát lâm sản, phòng và chữa cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng
		Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Đội Kiểm lâm Cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
		Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt Kiểm lâm huyện Trạm Tấu – Nghĩa Lộ	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt Kiểm lâm thành phố Yên Bái	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt Kiểm lâm huyện Mù Cang Chải	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt Kiểm lâm huyện Lục Yên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt Kiểm lâm huyện Văn Chấn	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt kiểm lâm huyện Yên Bình	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt kiểm lâm huyện Văn Yên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
	Hạt kiểm lâm huyện Trấn Yên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	
7.11	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ công tác phòng, chống dịch
7.12	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm tra, đánh giá chất lượng, diện tích rừng làm cơ sở chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi trả và giám sát việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng,...
7.13	Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thuốc, máy móc chuyên dùng trong bảo vệ thực vật để phòng chống dịch, thanh tra, kiểm tra,...
8	Sở Tư pháp				
	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở giao nhận tài sản, hàng hóa và thực hiện công tác đấu giá lưu động tại các huyện, thị
9	Sở Thông tin và Truyền thông				
	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ công tác ứng cứu sự cố máy tính, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; chờ thiết bị phục vụ các lớp bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
10	Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh	Xe truyền hình lưu động 7 chỗ 1 camera gắn thiết bị dựng hình	1	1.400	Phục vụ tác nghiệp báo chí
		Xe 16 chỗ phát thanh, truyền hình lưu động	1	850	Chuyên chở phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên và thiết bị làm truyền hình trực tiếp
		Xe truyền hình lưu động chở thiết bị truyền hình trực tuyến	1	19.000	Truyền hình trực tiếp sự kiện văn hóa, chính trị, xã hội trong tỉnh
11	Báo Yên Bái	Xe 7 chỗ có gắn thiết bị chuyên dùng	1	1.370	Chuyên chở phóng viên, và thiết bị ghi hình, dựng hình, truyền dẫn lên mạng internet,..
12	Trường Cao đẳng Y tế	Xe 29 chỗ	1	1.395	Đưa đón học sinh, sinh viên đi công tác, học tập
13	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch	Xe 29 chỗ	1	1.395	Đưa đón học sinh, sinh viên đi thực hành thực tập
14	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái	Xe 4 chỗ có gắn kèm trang thiết bị sát hạch lái xe	10	620	Sát hạch lái xe ô tô
		Xe tải có gắn kèm trang thiết bị sát hạch lái xe	8	600	
		Xe 16 chỗ có gắn kèm trang thiết bị sát hạch lái xe	2	970	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
		Xe 4 chỗ số tự động có gắn kèm trang thiết bị sát hạch lái xe	2	800	Sát hạch lái xe ô tô
		Xe bán tải 1 cầu	1	650	Đào tạo lái xe
		Xe 29 chỗ	1	1.395	Đưa đón học sinh, sinh viên đi công tác, học tập
15	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm sát, kiểm tra hiện trường, phòng chống thiên tai
16	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm sát, kiểm tra hiện trường, phòng chống thiên tai
17	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Kiểm sát, kiểm tra hiện trường, phòng chống thiên tai
18	Văn phòng Tỉnh ủy	Xe 7 chỗ 2 cầu có gắn thiết bị chuyên dùng	1	1.250	Kiểm tra, chỉ đạo, thực hiện các nhiệm cấp bách như phòng, chống thiên tai, bão lũ, cháy rừng, dịch bệnh
19	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh	Xe 7 chỗ 2 cầu có gắn thiết bị chuyên dùng	1	1.250	Kiểm tra, chỉ đạo, thực hiện các nhiệm cấp bách như phòng, chống thiên tai, bão lũ, cháy rừng, dịch bệnh
II	KHÓI HUYỆN				
1	Thành phố Yên Bái				
1.1	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
1.2	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chờ trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
1.3	Đội trật tự đô thị thành phố	Xe tải 1T	1	345	Phục vụ công tác kiểm tra, quản lý trật tự đô thị
		Xe tải 2,5T	2	470	
2	Huyện Trấn Yên				
2.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
2.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Công tác truyền thanh, truyền hình và tuyên truyền lưu động

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
2.3	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chở trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
2.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
2.5	Đội Giao thông và dịch vụ	Xe phun nước rửa đường 6 khối	1	1.080	Phun nước rửa đường, tưới cây
		Xe ép rác 15 khối	1	1.135	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn
3	Huyện Trạm Tấu				
3.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
3.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
3.3	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chở trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
3.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
3.5	Ban Quản lý chợ và các dịch vụ công cộng	Xe tải 2,5T	1	470	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn
		Xe ép rác 6 khối	1	870	
4	Huyện Lục Yên				
4.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
4.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
4.3	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chở trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
5	Huyện Văn Yên				
5.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
5.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
5.3	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chở trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
5.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chở thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
5.5	Đội vệ sinh môi trường và đô thị	Xe ép rác 15 khối	1	1.135	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn
6	Huyện Văn Chấn				

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
6.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
6.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
6.3	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chờ trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
6.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chờ thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
6.5	Ban Quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường	Xe ép rác 6 khối	1	870	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn
		Xe tải ben 6T	1	420	
7	Huyện Mù Cang Chải				
7.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
7.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
7.3	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chờ trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
7.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chờ thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
7.5	Đội dịch vụ công cộng	Xe ép rác 6 khối	1	870	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn
8	Huyện Yên Bình				
8.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ phòng chống lụt bão, cháy rừng
8.2	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa
8.4	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chờ trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
8.5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chuyên chờ thiết bị, cán bộ giáo viên đi dạy nghề lưu động
8.6	Đội công trình giao thông vận tải và vệ sinh môi trường	Xe ép rác 6 khối	1	870	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn
9	Thị xã Nghĩa Lộ				
9.1	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Phục vụ hoạt động truyền thông và văn hóa

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại tối đa	Số lượng tối đa (chiếc)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6
9.2	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng	Xe bán tải 2 cầu	1	780	Chở trang thiết bị kiểm tra, giám sát công trình
9.3	Đội quản lý trật tự đô thị	Xe ô tô tải 1,5T	1	410	Phục vụ công tác kiểm tra, quản lý trật tự đô thị
9.4	Công ty Môi trường Đô thị (đơn vị sự nghiệp công lập)	Xe phun nước rửa đường 6 khối	1	1.080	Phun nước rửa đường, tưới cây
		Xe ép rác 20 khối	1	2.360	Phục vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt
		Xe ép rác 6 khối	1	870	
		Xe tải ben 7,5T	1	710	
		Xe thang điện	1	300	Phục vụ sửa điện chiếu sáng công cộng